

CHAPTER 05.B

HƯỚNG DẪN NGỮ PHÁP

MỤC LỤC・目次

MỤC LỤC・目次	1
CHÚ THÍCH	2

CHÚ THÍCH



Công thức, cách kết hợp



Ghi chú



Nhắc lại kiến thức cũ.



So sánh cách dùng với những mẫu câu gần nghĩa.



Mở rộng thêm ngoài kiến thức chính.



QUÁ KHỨ CÁC TỪ LOẠI

v2



Ở phần 5A, ta đã tìm hiểu về quá khứ và quá khứ phủ định của động từ. Ở phần này, cùng với kiến thức trong trang tài liệu 5.9, chúng ta sẽ đi vào các nhánh còn lại, gồm quá khứ + quá khứ phủ định của tính từ い, tính từ な và danh từ.

Thật may, cách chia của tính từ な giống với danh từ nên chỉ cần nhớ thêm 4 công thức nữa là đủ.



#1 [TÍNH TỪ い BỎ い]+**かった**です

QUÁ KHỨ



#2 [TÍNH TỪ い BỎ い]+**くな**かったです

QK PHỦ ĐỊNH

#01 例

先週のテストは**おもしろ**かったです。

QUÁ KHỨ

Bộ phim tuần trước thì (đã) thú vị.



Nhưng với tính từ いい sẽ đổi thành よ khi bỏ い

#02 例

今朝は天気^{け さ てん き}がよかったです。

ĐẶC VIỆT

Sáng nay thời tiết đẹp.



#3 [DANH TỪ/TÍNH TỪ な]+でした

QUÁ KHỨ



#4 [DANH TỪ/TÍNH TỪ な]+じゃありませんでした

QK PD

#03 例

おとといは祭り^{まつ}じゃありませんでした。

QKPD

Ngày hôm kia (đã) không phải là ngày lễ hội.

#04 例

今日の仕事^{きょう しごと}は とても大変^{たいへん}でしたね。

QK

Công việc ngày hôm nay vất vả nhỉ!

B.1

例



A: 週末^{しゅうまつ}、何をしましたか。

Cuối tuần bạn đã làm gì vậy?

B: 旅行^{りょこう}をしました。Mình đã du lịch.

A: 旅行^{りょこう}は楽し^{たの}かったですか。💭

Chuyến du lịch vui chứ?



B: はい、楽し^{たの}かったです。💭 Vâng, đã vui.

A: そうですね。Vậ à.



B: いいえ、楽し^{たの}くありませんでした。💭

Không, đã không vui.

A: そうですね。Vậ à.



CÂU HỎI TÍNH TỪ QUÁ KHỨ



Bài 4, ta có nghi vấn từ どう để hỏi tính từ chân phương.

Nếu chủ từ là sự kiện, chủ đề trong quá khứ, ta chia quá khứ với どう
thành どうでした



Sはどうでしたか。

B.2



- A: 日曜日、何をしましたか。
Chủ nhật, bạn đã làm gì vậy?
- B: ^{ともだち えいが み}友達と映画を見ました。
Mình đã xem phim cùng bạn bè.
- A: ^{えいが}へえ。(映画は)どうでしたか。
Hỏi! Bộ phim thì đã như thế nào?
- B: とてもおもしろかったです。Đã rất thú vị.

B.3



- A: 日曜日、どこかへ行きましたか。
Chủ nhật, bạn có đi đâu không?
- B: ^{しんじゅく い}はい、新宿へ行きました。
^{しんじゅく た}新宿でお寿司を食べました。おいしかったです。
Có, mình đã đi Shinjuku. Đã ăn sushi ở Shinjuku. Nó ngon lắm.
- A: そうですね。Vậy à.



NGUYÊN NHÂN KẾT QUẢ



Nghi vấn từ どうして để hỏi người khác lí do về một việc gì đó.

Trong khi trợ từ から để trả lời nguyên nhân.



#1A どうして+[CÂU HOÀN CHỈNH]+か。

Tại sao...?



#1B どうしてですか。

Tại sao vậy?

Công thức 1B này là cách dùng tắt, bình thường vẫn dùng dạng 1A để hỏi tại sao nhé!



#2A [CÂU GIẢI THÍCH]から。

Tại vì...

#9 例

どうして何も飲みませんでしたか。

Tại sao cậu không uống gì cả vậy?

お酒があまり好きじゃありませんから。

Vì mình không thích rượu cho lắm.



Ngoài ra, khi tự trình bày một lí do cá nhân để giải thích cho một vấn đề, ta có thể để から ở giữa, rồi mới đến câu kết quả.

Lưu ý, trong tất cả những trường hợp có から chỉ lí do, ta luôn dịch から trước, vì đây vốn là câu ghép giữa 2 câu đơn.



#2B [CÂU GIẢI THÍCH]から、[CÂU HỆ QUẢ]

Tại vì...nên...

#10 例

寒いですから、温かいスープを飲みました。

Vì trời lạnh nên tôi đã uống canh ấm.

#11 例

先週の土曜日、とても雪が多かったですから、

どこへも行きませんでした。

Thứ 7 tuần rồi, vì tuyết rất nhiều nên tôi đã không đi đâu cả.

B.4

〈金曜日〉

Thứ 6

A:

週末、なにをしますか。

Cuối tuần, bạn sẽ làm gì thế?

B:

パソコンを^か買います。Mình mua máy tính.

A:

そうですね。いいですね。Vậ à, được đó.

〈月曜日〉

Thứ 2

A:

Bさん、パソコンを^か買いましたか。

B ơi, bạn đã mua máy tính phải không?

B:

いいえ、買いませんでした。

Không, mình đã không mua.

A: どうして買いませんでしたか。

Tại sao bạn (đã) không mua vậy?

B: ^{たか}高かったですから(、買いませんでした)。

Vì mắc (nên mình đã không mua).

CÔNG
HƯNG

HOÀNG
DŨNG

THANH
ĐẢM

THANH
HIỆP

CAO
DUY

HỮU
ĐỨC

TUẤN
KIỆT

QUỐC
CÔNG

LÂM
HƯNG

ANH
TUẤN

HỮU
THÀNH

MINH
TRUNG

QUỐC
VƯƠNG